

TOPIC IN DECEMBER 2025

WEEK	TOPICS	VOCABULARY	DAILY ENGLISH
Tuần I	CLOTHES	- Shirt: Áo sơ mi - T-shirt: Áo thun - Pants: Quần dài - Shorts: Quần đùi, quần ngắn - Skirt: Chân váy	1) What are you wearing? (Con đang mặc gì?) → I'm wearing a T-shirt. (Con đang mặc áo thun.) 2) What color is your shirt? (Áo sơ mi của con màu gì?) → It's blue. (Nó màu xanh.) 3) Do you like skirts? (Con có thích chân váy không?) → Yes, I do. / No, I don't. (Vâng/Không.)
Tuần II	CLOTHES	- Dress: đầm - Jacket: Áo khoác - Sweater: Áo len - Coat: Áo măng tô - Jeans: Quần jean	4) Is your jacket warm or cool? (Áo khoác con ấm hay mát?) → It is warm. (Nó ấm.) 5) What do you wear in winter? (Con mặc gì vào mùa đông?) → I wear a coat and sweater. (Con mặc áo khoác và áo len.)
Tuần III	CLOTHES	- Hat: Mũ - Cap: Nón lưỡi trai - Scarf: Khăn quàng - Shoes: Giày - Sandals: Dép xăng-đan	5) Do you like jeans? (Con có thích quần jean không?) → Yes, I like jeans. (Vâng, con thích quần jean.) 6) What do you wear on your head? (Con đội gì trên đầu?) → I wear a hat. (Con đội mũ.) 8) What do you wear on your feet? (Con mang gì ở chân?) → I wear shoes. (Con mang giày.)
Tuần IV	CLOTHES	- Socks: Tất - Gloves: Găng tay - Belt: Thắt lưng - Boots: Đôi ủng - Pajamas: Đồ ngủ	9) Do you wear a scarf in summer? (Con có quàng khăn vào mùa hè không?) → No, I don't. (Không.) BÀI HÁT/ VIDEO GỢI Ý: 1. Clothes Song for Kids Dream English Kids 2. Put On Your Shoes Song Super Simple Songs 3. Getting Dressed Song Maple Leaf Learning 4. Clothes Vocabulary Song ChuChu TV